

CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG

Tên ngành, nghề:	Y sỹ Đa khoa
Mã ngành, nghề:	6720101
Trình độ đào tạo:	Cao đẳng
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Đối tượng tuyển sinh:	Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương
Thời gian đào tạo:	3 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung:

- Có phẩm chất chính trị, đạo đức, có ý thức phục vụ nhân dân, có kiến thức và năng lực thực hành nghề nghiệp theo qui định của nhà nước về công tác chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe của nhân dân, trung thực, khách quan, thận trọng trong nghề nghiệp, tôn trọng và ch thành hợp tác với đồng nghiệp.
- Có kiến thức, kỹ năng chuyên môn về Y học đa khoa trình độ cao đẳng; có đạo đức, lương tâm nghề nghiệp, ý thức tổ chức kỷ luật, có tinh thần trách nhiệm trước sức khỏe và tính mạng người bệnh; có đủ sức khỏe; không ngừng học tập để nâng cao trình độ.

1.2. Mục tiêu cụ thể:

1.2.1. Kiến thức: Trình bày được những kiến thức cơ bản về:

- Cấu tạo, hoạt động và chức năng sinh lý của cơ quan, cơ thể con người.
- Sự tác động qua lại giữa môi trường sống và sức khỏe con người, các biện pháp duy trì và cải thiện điều kiện sống để bảo vệ và nâng cao sức khỏe.
- Trình bày được những nguyên tắc cơ bản về chẩn đoán, điều trị và phòng một số bệnh thông thường.
- Có kiến thức về phương pháp luận khoa học trong thực hành kỹ thuật, học tập, nghiên cứu khoa học.
- Hiểu biết về pháp luật và chính sách về công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.

1.2.2. Về kỹ năng:

- Thực hiện được việc thăm, khám và điều trị một số bệnh, chứng bệnh thông thường.
- Phát hiện sớm và xử trí ban đầu các trường hợp cấp cứu, tại tuyến y tế cơ sở.
- Làm được một số thủ thuật theo quy định của Bộ Y tế, chăm sóc bệnh nhân tại nhà và phục hồi chức năng tại cộng đồng.
- Chuyên tuyến trên kịp thời các bệnh vượt quá quy định và khả năng giải quyết ở tuyến y

tế cơ sở.

- Tổ chức quản lý và thực hiện các chương trình y tế quốc gia, phát hiện dịch bệnh sớm, lập kế hoạch, triển khai thực hiện phòng bệnh và chống dịch.
- Truyền thông giáo dục sức khỏe; phối hợp với các ban ngành, đoàn thể, vận động cộng đồng cùng tham gia giải quyết những vấn đề sức khỏe ở tuyến y tế cơ sở.
- Quản lý trạm y tế xã.

1.2.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- Có khả năng tự chủ trong học tập và nghiên cứu nhằm nâng cao trình độ chuyên môn của bản thân.
- Có kiến thức về ngoại ngữ, công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.
- Thực hiện giao tiếp tốt với người bệnh, gia đình và hợp tác tốt với bác sĩ và các nhân viên y tế khác để đảm bảo quyền, lợi ích và vì sự an toàn của người bệnh.
- Tham gia công tác quản lý ngành, khoa phòng và tham gia tổ chức đào tạo cán bộ, nhân viên y tế và học sinh sinh viên.
- Thực hiện nghiên cứu khoa học và thực hành có bằng chứng về lĩnh vực chuyên ngành.
- Có khả năng tự chủ trong tự học nâng cao, tự học suốt đời. Có khả năng làm việc nhóm để cùng đạt tới mục tiêu chung.
- Có năng lực ngoại ngữ bậc 2/6 theo chuẩn khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam
- Có kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc
- Tận tụy với sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ và nâng cao sức khỏe nhân dân, hết lòng phục vụ người bệnh.
- Trung thực, khách quan, thận trọng trong thực hiện các công việc chuyên môn.
- Khiêm tốn học tập, quan hệ và hợp tác tốt với đồng nghiệp, giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của ngành.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

- Người có bằng tốt nghiệp ngành Y sĩ đa khoa được tuyển dụng làm việc tại các cơ sở y tế công lập và tư nhân theo quy chế tuyển dụng viên chức và người lao động của Nhà nước, cụ thể là:
 - Có thể làm công tác chuyên môn tại các Bệnh viện đa khoa, Trung tâm phòng chống bệnh tật các trạm y tế xã phường, các phòng khám khu vực.
 - Có thể làm công tác giảng dạy, nghiên cứu tại các trường Đại học, cao đẳng Y Dược, tại các học viện, viện và các cơ quan nghiên cứu khoa học.

1. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 41

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 110 tín chỉ; 2685 giờ
- Khối lượng các môn học chung/ đại cương: 435 giờ
- Khối lượng các môn học mô đun chuyên môn: 2250 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 903 giờ, Thực hành, thực tập, thí nghiệm, Kiểm tra: 1779 giờ

2. Nội dung chương trình

Mã MH/ MĐ	Tên môn học/mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/thí nghiệm/bài tập/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
I	CÁC MÔN HỌC CHUNG	21	435	157	255	23
MH01	Giáo dục Chính trị	5	75	41	29	05
MH02	Pháp luật	2	30	18	10	02
MH03	Tiếng Anh	5	120	42	72	06
MH04	Tin học	3	75	15	58	02
MH05	Giáo dục thể chất	2	60	05	51	04
MH06	GD Quốc phòng và An ninh	4	75	36	35	04
II	CÁC MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	89	2250	746	1445	56
II.1	MÔN HỌC MÔ ĐUN CƠ SỞ	36	705	366	320	19
II.1.1	Sinh học đại cương và di truyền	2	30	29	0	1
II.1.2	Giải phẫu	4	90	30	58	2
II.1.3	Sinh lý học	2	30	29	0	1
II.1.4	Vi sinh- Ký sinh trùng	2	45	14	30	1
II.1.5	Điều dưỡng cơ bản	4	90	30	58	2
II.1.6	Sinh lý bệnh - Miễn dịch	2	30	28	0	2
II.1.7	Hóa sinh y học	2	45	14	30	1
II.1.8	Huyết học	2	45	14	30	1
II.1.9	Kiểm soát nhiễm khuẩn	2	45	15	28	2

II.1.10	Dược lý	3	60	30	29	1
II.1.11	Dịch tễ - Giáo dục sức khỏe - Sức khỏe môi trường	4	75	45	28	2
II.1.12	Tổ chức y tế - Đạo đức y học - Tâm lý con người ³	3	45	44	0	1
II.1.13	Dinh dưỡng - An toàn thực phẩm	2	30	29	0	1
II.1.14	Nghiên cứu khoa học	2	45	15	29	1
II.2	MÔN HỌC, MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN	30	510	380	115	15
II.2.1	Bệnh học Nội khoa	4	75	45	28	2
II.2.2	Bệnh học Ngoại khoa	4	60	58	0	2
II.2.3	Y học cổ truyền	2	45	15	29	1
II.2.4	Phục hồi chức năng	2	45	15	29	1
II.2.5	Sức khỏe sinh sản	3	60	30	29	1
II.2.6	Sức khỏe trẻ em	4	60	58	0	2
II.2.7	Bệnh học truyền nhiễm xã hội	3	45	43	0	2
II.2.8	Bệnh cấp cứu thường gặp	2	30	29	0	1
II.2.9	Bệnh chuyên khoa	4	60	58	0	2
II.2.10	Y tế công cộng	2	30	29	0	1
II.3	Thực hành thực tập bệnh viện	23	1035	0	1010	22
II.3.1	Thực tập lâm sàng Điều dưỡng cơ bản	2	90	0	88	2
II.3.2	Thực tập lâm sàng nội khoa	2	90	0	88	2
II.3.3	Thực tập lâm sàng ngoại khoa	2	90	0	88	2
II.3.4	Thực tập lâm sàng sản phụ khoa	2	90	0	88	2
II.3.5	Thực tập lâm sàng Nhi khoa	2	90	0	88	2
II.3.6	Thực tập lâm sàng Truyền nhiễm	2	90	0	88	2
II.3.7	Thực tập lâm sàng Cấp cứu	2	90	0	88	2

II.3.8	Thực tập lâm sàng bệnh chuyên khoa	2	90	0	88	2
II.3.9	Thực tập lâm sàng Y học cổ truyền- PHCN	2	90	0	88	2
II.3.10	Thực tập Cộng đồng	2	90	0	88	2
II.3.11	Thực tập tốt nghiệp	3	135	0	130	2
	Tổng số	110	2685	903	1700	79